

Số: 99/KHGD- THSL

Sa Lông, ngày 30 tháng 8 năm 2025

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**Năm học: 2025 – 2026**

**I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

*Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDPT ;*

*Căn cứ Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy học môn Tiếng Anh và tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 681/BGDĐT -GDTH ngày 4/03/2020 về hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng anh tự chọn lớp 1,2;*

*Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học. Căn cứ vào chương trình tin học tự chọn ( 2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ – BGDĐT ngày 05/5/2006;*

*Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;*

*Căn cứ công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/03/2023 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học và Công văn số 652/SGDĐT- GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.*

*Căn cứ vào Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT–GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm;*

*Căn cứ công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/04/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học;*

*Căn cứ Thông tư số 37/BGDĐT-GDTH ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT- BGDDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khoá;*

*Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.*

*Căn cứ Công văn số 4555/BGDDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Công văn số 2616 /SGDDĐT-GDMNTH ngày ../08/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-PDGĐT ngày 16/05/2025 Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;*

*Căn cứ thông tư số 23/2023/TT-BGDDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2023; của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1( thời lượng 80 tiết);*

*Căn cứ vào Kế hoạch số 2362/KH – SGDDĐT ngày 30/8/2024 của Sở Giáo dục tỉnh Điện Biên về kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2024-2025.*

*Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024- 2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2025-2026 Trường PTDTBT TH Sa Lông xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 như sau.*

## **II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026**

### **Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Na Sang là xã miền núi, biên giới có diện tích tự nhiên 36.017,297 ha, có 12,911 km đường biên giới tiếp giáp với huyện Mường Mây, tỉnh Phong Sa Lý, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, với 5 cột mốc (chân cột mốc 77 đến chân cột mốc 82+3684m). Na Sang nằm trên đường Quốc lộ 12, Quốc lộ 4H, xã có 39 bản, tổ dân phố. Dân số trung bình 19.711 người, gồm 13 dân tộc, trong đó: Dân tộc Mông chiếm 67,95%; dân tộc Thái chiếm 9,26%; dân tộc Khơ Mú chiếm 3,58%; dân tộc Kinh chiếm 11,68%; dân tộc Kháng chiếm 4,12%; dân tộc Hoa chiếm 2,18%; dân tộc Mường chiếm 0,40%; dân tộc Tày chiếm 0,27%; dân tộc Nùng chiếm 0,11%; dân tộc Si La chiếm 0,04%; dân tộc Sán Dìu chiếm 0,04%; dân tộc Mảng chiếm 0,02%; dân tộc khác chiếm 0,35%.

Kinh tế địa phương cũng chậm phát triển, nhân dân chủ yếu là làm ruộng, nương. Kinh tế phát triển không ổn định. Người dân cư trú không tập trung nên phần nào ảnh hưởng tới công tác huy động cũng như duy trì tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần của nhà trường.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Mạng lưới điện và hệ thống công nghệ thông tin giúp cho một số tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục, từ đó có một phần nhỏ phụ huynh sự thấu hiểu chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

*\* Thuận lợi:*

Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể địa phương cũng như các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

Trong điều kiện công nghệ 4.0, giáo viên có nhiều kênh để học hỏi, tăng cường kiến thức, đáp ứng và hội nhập với sự phát triển.

HS được hưởng các chế độ Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; chế độ bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP; các em học sinh tại điểm trường vùng cao được Chương trình Nuôi em hỗ trợ ăn trưa giúp thuận lợi hơn trong quá trình duy trì số lượng học sinh.

Học sinh có đủ sách giáo khoa, vở viết, đồ dùng học tập các môn học.

Đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm dạy học, có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tận tâm với nghề, chấp hành tốt mọi nội quy của trường, quy chế chuyên môn của ngành.

*\* Khó khăn:*

Trường có 04 điểm trường xa trung tâm, nhân dân sống không tập trung, giao thông đi lại khó khăn, phong tục tập quán và lối sống của nhân dân phần nào còn lạc hậu. Một số cha mẹ học sinh nhận thức về công tác giáo dục còn hạn chế, chưa thật sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn phó mặc cho nhà trường, cho thầy cô.

Tỷ lệ học sinh con hộ nghèo còn cao, có một số hộ dân cư trú không ổn định do đó ảnh hưởng đến duy trì số lượng và chất lượng học sinh cũng như thực hiện công tác phổ cập. Điều kiện học tập của học sinh ở điểm trường vùng cao chưa đảm bảo, có điểm bản còn chưa có điện lưới quốc gia, học sinh không được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, vốn Tiếng Việt của học sinh hạn chế, ảnh hưởng đến việc dạy và học.

Khuôn viên nhà trường hẹp nên tổ chức các hoạt động tập thể và dạy môn thể dục, các hoạt động phong trào còn gặp khó khăn. Số lượng máy chiếu còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong các tiết dạy của giáo viên.

Giáo viên có đủ về số lượng nhưng số lượng giáo viên bộ môn chuyên nhiều dẫn đến việc sắp xếp, phân công dạy theo định mức còn khó khăn, có nhiều giáo viên chưa phân công đúng vị trí việc làm.

## 2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026

### 2.1. Đặc điểm học sinh của trường

*\* Khái quát về số học sinh toàn trường :*

Các em ngoan ngoãn, chấp hành nội quy của trường, của lớp, đoàn kết, yêu thương bạn bè. Nhiều em có ý thức vươn lên trong học tập. Song số học sinh của trường các em chủ yếu là người dân tộc (470/472 em chiếm 99,6% ) gồm dân tộc HMông, dân tộc Hoa và dân tộc Kinh trong đó học sinh dân tộc HMông chiếm tỷ lệ đông nhất). Vốn Tiếng Việt ít, các em nhút nhát, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề , năng lực vận dụng của các em rất hạn chế. trong học tập, trong sinh hoạt. Số học sinh con hộ nghèo là 230/472 em chiếm 48,7%, nhiều phụ huynh các bản vùng cao chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình.

Năm học 2025 -2026 trường có tổng số 472 học sinh. Tỷ lệ 24,9 HS/lớp. Số lớp số học sinh học 2 buổi/ngày là 19 lớp, 472 HS = 100%.

*\* Cụ thể :*

| Khối        | Số lớp    | TS HS      | Nữ         | Dân tộc    | Nữ dân tộc | HS diện chính sách<br>(NĐ81/2021; TT/42/2013) |          |            |            | Học sinh bán trú |    |
|-------------|-----------|------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------|----------|------------|------------|------------------|----|
|             |           |            |            |            |            | Tổng                                          | Mồ côi   | Hộ nghèo   | Khuyết tật | Tổng             | Nữ |
| 1           | 5         | 96         | 47         | 96         | 47         |                                               | 0        | 49         | 0          |                  |    |
| 2           | 4         | 107        | 52         | 107        | 52         |                                               | 3        | 62         | 0          |                  |    |
| 3           | 3         | 85         | 38         | 84         | 38         |                                               | 2        | 56         | 1          |                  |    |
| 4           | 3         | 97         | 48         | 96         | 48         |                                               | 0        | 39         | 0          |                  |    |
| 5           | 4         | 87         | 41         | 87         | 41         |                                               | 2        | 24         | 0          |                  |    |
| <b>Tổng</b> | <b>19</b> | <b>472</b> | <b>226</b> | <b>470</b> | <b>226</b> |                                               | <b>7</b> | <b>230</b> | <b>1</b>   | <b>200</b>       |    |

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.

- Bình quân học sinh/lớp: 24,9 học sinh

- Tỷ lệ học sinh nữ: 47,9%

- Tỷ lệ học sinh dân tộc: 99,8%

### 2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường là một tập thể đoàn kết, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Tỷ lệ đảng viên với số lượng 15/36 CB – GV- NV đạt 41,7%.

Trong công tác luôn chấp hành tốt kỷ luật lao động, qui chế chuyên môn. Năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương châm lấy học sinh làm trung tâm và phát huy tối đa sự sáng tạo của người học.

Tổng số CB,GV,NV nhà trường là 36 trong đó

- CBQL: 02 (Hiệu trưởng 01; Phó hiệu trưởng 01);

- Giáo viên: 30, trong đó: Giáo viên dạy môn văn hóa: 20; Tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 02; Tin học: 01 : Mỹ thuật 02 ; 01 Tổng phụ trách đội, 01 Gv thư viện + Thiết bị.

- Nhân viên: 04 ; trong đó: Y tế: 01; Kế toán : 01; bảo vệ: 02

Cụ thể như sau:

|             | Tổng số   | Nữ        | Dân tộc   | Trình độ đào tạo |           |          |          |          | Trình độ lý luận |          |
|-------------|-----------|-----------|-----------|------------------|-----------|----------|----------|----------|------------------|----------|
|             |           |           |           | Th. sĩ           | ĐH        | CĐ       | TC       | Khác     | Trung cấp        | Sơ cấp   |
| CBQL        | 2         | 1         | 0         | 2                | 0         | 0        | 0        | 0        | 2                | 0        |
| GV          | 30        | 20        | 22        | 0                | 30        | 0        | 0        | 0        | 1                | 0        |
| NV          | 4         | 2         | 2         | 0                | 1         | 0        | 1        | 2        | 0                | 0        |
| <b>Tổng</b> | <b>36</b> | <b>23</b> | <b>24</b> | <b>2</b>         | <b>31</b> | <b>0</b> | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b>         | <b>0</b> |

### 2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, cơ sở vật chất thực hiện bán trú.

- Tổng số phòng học: 19 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp.

- Tổng số phòng học bộ môn: 01 phòng 01 phòng tin học.

- Tổng số phòng chức năng: 09 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phòng Phó hiệu trưởng: 01; Phòng hội đồng : 01; Y tế: 01, Thư viện- Thiết bị: 02. phòng bảo vệ: 01 (tạm); phòng Hành chính: 01; phòng Đội 01.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

+ Tổng số máy chiếu: 11 ( trong đó lắp cố định tại phòng học: 06, phòng hội đồng 01, máy di động 04).

+ Máy chiếu vật thể: 02

+ Ti vi dùng cho công tác dạy và học: 9

+ Tủ âm loa, đài: 02 bộ

Trường có 4 điểm trường lẻ và 1 điểm trường chính. Điểm trường 36A có 1 lớp 1 với 16 học sinh và 1 lớp 2 với 13 học sinh; Điểm trường 36B có 1 lớp ghép 1+2 với 14 học sinh; Điểm trường Chiêu Ly có 1 lớp ghép 1+2 với 13 học sinh, Điểm trường Thèn Pả có 1 lớp ghép 1+2 với 15 học sinh.

- Có 2 phòng ở bán trú sạch sẽ; nhà bếp và nhà ăn đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho 200 học sinh ăn bán trú; Đã có nhà vệ sinh và phòng tắm nhưng chưa đáp ứng đủ cho số lượng học sinh bán trú của trường.

## III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

### 1. Mục tiêu chung

Năm học 2025 - 2026, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Thực hiện chủ đề năm học 2025 - 2026 là **“Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”**.

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 theo chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên đặc biệt đối với giáo viên dạy môn Tin học và Tiếng Anh, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Tiếp tục tổ chức rà soát, tham mưu các cấp tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; coi trọng công tác kiểm tra theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

**2.1. Huy động và duy trì số lượng:**

Thực hiện 19 lớp với 472 HS.

Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 96/96 đạt 100%

PCGDTH-ĐĐT: số HS độ tuổi 11 hoàn thành chương trình tiểu học: 87 em/tổng số 87, đạt 100 %.

Duy trì 472/472 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

| Tên khối lớp | Kế hoạch giao |          | Thực hiện |             |    |    |      | Tăng giảm so với năm học 2024 -2025 |          |
|--------------|---------------|----------|-----------|-------------|----|----|------|-------------------------------------|----------|
|              | Số lớp        | Học sinh | Số lớp    | Số học sinh |    |    |      | Số lớp                              | Học sinh |
|              |               |          |           | T.số        | Nữ | DT | KTật |                                     |          |
| 1            | 5             | 101      | 5         | 96          | 47 | 96 |      | 0                                   | - 5      |

|      |    |     |    |     |     |     |   |   |      |
|------|----|-----|----|-----|-----|-----|---|---|------|
| 2    | 5  | 107 | 5  | 107 | 52  | 107 |   | 0 | 0    |
| 3    | 3  | 91  | 3  | 85  | 38  | 85  | 1 | 0 | -6   |
| 4    | 3  | 98  | 3  | 97  | 48  | 96  |   | 0 | -1   |
| 5    | 3  | 86  | 3  | 87  | 41  | 87  |   | 0 | +1   |
| Cộng | 19 | 483 | 19 | 472 | 226 | 471 | 1 | 0 | - 11 |

***\* So với kế hoạch giao, năm học 2025-2026 nhà trường giảm 11 học sinh so với được giao, Số lớp đảm bảo theo kế hoạch được giao***

***- Công tác phổ cập – xóa mù chữ***

Đơn vị xã Na Sang duy trì Chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3; XMC mức độ 2.

## **2.2. Chỉ tiêu về chất lượng học sinh**

***Khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 : Thực hiện đánh giá theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT***

***\*Phẩm chất***

| Khối          | Phẩm chất chủ yếu |            |            |            |            |            |            |            |             |            |
|---------------|-------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-------------|------------|
|               | Yêu nước          |            | Nhân ái    |            | Chăm chỉ   |            | Trung thực |            | Trách nhiệm |            |
|               | SL                | Tỷ lệ      | SL         | Tỷ lệ      | SL         | Tỷ lệ      | SL         | Tỷ lệ      | SL          | Tỷ lệ      |
| <b>Khối 1</b> | <b>96</b>         | <b>100</b> | <b>96</b>  | <b>100</b> | <b>96</b>  | <b>100</b> | <b>96</b>  | <b>100</b> | <b>96</b>   | <b>100</b> |
| Tốt           | 83                | 86,6       | 80         | 83,3       | 71         | 74,0       | 73         | 76,1       | 69          | 71,9       |
| Đạt           | 13                | 16,7       | 16         | 16,7       | 25         | 26,0       | 23         | 23,9       | 27          | 28,1       |
| CCG           | 0                 | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0           | 0          |
| <b>Khối 2</b> | <b>107</b>        | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>107</b>  | <b>100</b> |
| Tốt           | 91                | 85         | 90         | 84,1       | 81         | 75,7       | 80         | 74,7       | 78          | 72,9       |
| Đạt           | 16                | 15         | 17         | 15,9       | 26         | 24,3       | 27         | 25,2       | 29          | 27,1       |
| CCG           | 0                 | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0           | 0          |
| <b>Khối 3</b> | <b>85</b>         | <b>100</b> | <b>86</b>  | <b>100</b> | <b>86</b>  | <b>100</b> | <b>86</b>  | <b>100</b> | <b>86</b>   | <b>100</b> |
| Tốt           | 74                | 87,1       | 72         | 84,7       | 67         | 78,8       | 69         | 81,2       | 66          | 77,6       |
| Đạt           | 12                | 12,9       | 13         | 15,3       | 18         | 21,2       | 16         | 18,8       | 19          | 22,4       |
| CCG           | 0                 | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0           | 0          |
| <b>Khối 4</b> | <b>97</b>         | <b>100</b> | <b>97</b>  | <b>100</b> | <b>97</b>  | <b>100</b> | <b>97</b>  | <b>100</b> | <b>97</b>   | <b>100</b> |
| Tốt           | 87                | 89,7       | 87         | 89,7       | 73         | 75,3       | 74         | 76,3       | 69          | 71,1       |
| Đạt           | 10                | 10,3       | 10         | 10,3       | 24         | 24,7       | 23         | 23,7       | 28          | 28,9       |
| CCG           | 0                 | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0          | 0           | 0          |
| <b>Khối 5</b> | <b>87</b>         | <b>100</b> | <b>87</b>  | <b>100</b> | <b>87</b>  | <b>100</b> | <b>87</b>  | <b>100</b> | <b>87</b>   | <b>100</b> |
| Tốt           | 80                | 92,0       | 76         | 87,4       | 66         | 75,9       | 66         | 75,9       | 64          | 73,6       |
| Đạt           | 7                 | 8,0        | 11         | 12,6       | 21         | 24,1       | 21         | 24,1       | 23          | 26,4       |

|     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**\*Năng lực cốt lõi**

| Khối   | SL  | XL  | Năng lực cốt lõi |       |                      |       |                  |       |          |       |                  |       |         |       |          |       |          |       |         |       |           |       |
|--------|-----|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------------------|-------|----------|-------|------------------|-------|---------|-------|----------|-------|----------|-------|---------|-------|-----------|-------|
|        |     |     | Năng lực chung   |       |                      |       |                  |       |          |       | Năng lực đặc thù |       |         |       |          |       |          |       |         |       |           |       |
|        |     |     | Tự chủ và tự lực |       | Giao tiếp và hợp tác |       | GQVĐ và sáng tạo |       | Ngôn ngữ |       | Tinh toán        |       | Thẩm mỹ |       | Khoa học |       | Thể chất |       | Tin học |       | Công nghệ |       |
|        |     |     | SL               | Tỷ lệ | SL                   | Tỷ lệ | SL               | Tỷ lệ | SL       | Tỷ lệ | SL               | Tỷ lệ | SL      | Tỷ lệ | SL       | Tỷ lệ | SL       | Tỷ lệ | SL      | Tỷ lệ | SL        | Tỷ lệ |
| Khối 1 | 96  | Tốt | 49               | 51,0  | 50                   | 52,1  | 49               | 51,0  | 49       | 51,0  | 50               | 52,1  | 64      | 66,7  | 63       | 65,6  | 60       | 62,5  |         |       |           |       |
|        |     | Đạt | 47               | 49,0  | 46                   | 47,9  | 47               | 49,0  | 47       | 49,0  | 46               | 47,9  | 32      | 33,3  | 33       | 34,4  | 36       | 37,5  |         |       |           |       |
|        |     | CCG | 0                | 0     | 0                    | 0     | 0                | 0     | 0        | 0     | 0                | 0     | 0       | 0     | 0        | 0     | 0        | 0     |         |       |           |       |
| Khối 2 | 107 | Tốt | 64               | 59,8  | 65                   | 60,7  | 64               | 59,8  | 54       | 50,5  | 55               | 51,4  | 64      | 59,8  | 65       | 60,7  | 69       | 64,5  |         |       |           |       |
|        |     | Đạt | 43               | 40,2  | 42                   | 39,3  | 43               | 40,2  | 53       | 49,5  | 52               | 48,6  | 43      | 34,6  | 42       | 39,3  | 38       | 35,5  |         |       |           |       |
|        |     | CCG | 0                | 0     | 0                    | 0     | 0                | 0     | 0        | 0     | 0                | 0     | 0       | 0     | 0        | 0     | 0        | 0     |         |       |           |       |
| Khối 3 | 85  | Tốt | 52               | 61,2  | 53                   | 62,4  | 52               | 61,2  | 44       | 51,8  | 44               | 51,8  | 52      | 61,2  | 53       | 62,4  | 55       | 64,7  | 44      | 51,8  | 44        | 51,8  |
|        |     | Đạt | 33               | 38,2  | 32                   | 37,6  | 33               | 38,2  | 41       | 48,2  | 41               | 48,2  | 33      | 38,2  | 32       | 37,6  | 30       | 35,3  | 41      | 48,2  | 41        | 48,2  |
|        |     | CCG | 0                | 0     | 0                    | 0     | 0                | 0     | 0        | 0     | 0                | 0     | 0       | 0     | 0        | 0     | 0        | 0     | 0       | 0     | 0         | 0     |
| Khối 4 | 97  | Tốt | 64               | 66,0  | 63                   | 65,0  | 62               | 64,0  | 49       | 50,5  | 50               | 51,5  | 62      | 63,9  | 61       | 62,9  | 63       | 65,0  | 52      | 53,6  | 51        | 52,6  |
|        |     | Đạt | 33               | 34,0  | 34                   | 35,0  | 35               | 36,0  | 48       | 49,5  | 47               | 48,5  | 35      | 36,1  | 36       | 37,1  | 34       | 35,0  | 45      | 46,4  | 46        | 47,4  |
|        |     | CCG | 0                | 0     | 0                    | 0     | 0                | 0     | 0        | 0     | 0                | 0     | 0       | 0     | 0        | 0     | 0        | 0     | 0       | 0     | 0         | 0     |
| Khối 5 | 87  | Tốt | 59               | 67,8  | 57                   | 65,5  | 58               | 66,7  | 44       | 50,6  | 44               | 50,6  | 57      | 65,5  | 56       | 64,4  | 56       | 64,4  | 47      | 54,0  | 49        | 56,3  |
|        |     | Đạt | 28               | 32,2  | 30                   | 34,5  | 29               | 33,3  | 43       | 49,7  | 43               | 49,4  | 30      | 34,5  | 31       | 35,6  | 31       | 35,6  | 40      | 46,0  | 38        | 43,7  |
|        |     | CCG | 0                | 0     | 0                    | 0     | 0                | 0     | 0        | 0     | 0                | 0     | 0       | 0     | 0        | 0     | 0        | 0     | 0       | 0     | 0         | 0     |

**\*Chất lượng môn học và hoạt động giáo dục**

| Môn học và HĐGD      | TS         | TL         | Lớp 1     |            | Lớp 2      |            | Lớp 3     |            | Lớp 4     |            | Lớp 5     |            |
|----------------------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|
|                      |            |            | TS        | TL         | TS         | TL         | TS        | TL         | TS        | TL         | TS        | TL         |
| <b>1.Toán</b>        | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt       | 243        | 51,5       | 50        | 52,1       | 55         | 51,4       | 44        | 51,8       | 50        | 51,5       | 44        | 50,6       |
| Hoàn thành           | 229        | 48,5       | 46        | 47,9       | 52         | 48,6       | 41        | 48,2       | 47        | 48,5       | 43        | 49,4       |
| Chưa HT              | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>2. Tiếng Việt</b> | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |



|                          |            |            |           |            |            |            |           |            |           |            |           |            |
|--------------------------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|
| Hoàn thành tốt           | 240        | 50,8       | 49        | 51,0       | 54         | 50,5       | 44        | 51,8       | 49        | 50,5       | 44        | 50,6       |
| Hoàn thành               | 232        | 49,2       | 47        | 49,0       | 53         | 49,5       | 41        | 48,2       | 48        | 49,5       | 43        | 49,7       |
| Chưa HT                  | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>3.TNXH</b>            | <b>289</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> |           |            |           |            |
| Hoàn thành tốt           | 181        | 62,6       | 63        | 65,6       | 65         | 60,7       | 53        | 62,4       |           |            |           |            |
| Hoàn thành               | 108        | 37,4       | 33        | 34,4       | 42         | 39,3       | 32        | 37,6       |           |            |           |            |
| Chưa HT                  | 0          |            | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          |           |            |           |            |
| <b>4.Khoa học</b>        | <b>184</b> | <b>100</b> |           |            |            |            |           |            | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt           | 117        | 63,6       |           |            |            |            |           |            | 61        | 62,9       | 56        | 64,4       |
| Hoàn thành               | 67         | 36,4       |           |            |            |            |           |            | 36        | 37,1       | 31        | 35,6       |
| Chưa HT                  | 0          | 0          |           |            |            |            |           |            | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>5.LS- Địa lý</b>      | <b>184</b> | <b>100</b> |           |            |            |            |           |            | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt           | 119        | 64,7       |           |            |            |            |           |            | 62        | 63,9       | 57        | 65,5       |
| Hoàn thành               | 65         | 35,3       |           |            |            |            |           |            | 35        | 36,1       | 30        | 34,5       |
| Chưa HT                  | 0          | 0          |           |            |            |            |           |            | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>6.Đạo đức</b>         | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt           | 313        | 66,3       | 68        | 70,8       | 67         | 62,6       | 55        | 64,7       | 64        | 66,0       | 59        | 67,8       |
| Hoàn thành               | 159        | 33,7       | 28        | 29,2       | 40         | 37,4       | 30        | 35,3       | 33        | 34,0       | 28        | 32,2       |
| Chưa HT                  | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>7. Âm Nhạc</b>        | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt           | 300        | 63,6       | 64        | 66,7       | 65         | 60,7       | 52        | 61,2       | 62        | 64,0       | 57        | 65,5       |
| Hoàn thành               | 172        | 36,4       | 32        | 33,3       | 42         | 39,3       | 33        | 38,2       | 35        | 36,0       | 30        | 34,5       |
| Chưa HT                  | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>8. Mĩ thuật</b>       | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt           | 300        | 63,6       | 65        | 67,7       | 64         | 59,8       | 52        | 61,2       | 62        | 64,0       | 57        | 65,5       |
| Hoàn thành               | 172        | 36,4       | 31        | 32,3       | 43         | 34,6       | 33        | 38,2       | 35        | 36,0       | 30        | 34,5       |
| Chưa HT                  | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>9. HĐ trải nghiệm</b> | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt           | 293        | 62,1       | 61        | 63,5       | 64         | 59,8       | 53        | 62,4       | 61        | 63,0       | 54        | 62,1       |
| Hoàn thành               | 179        | 37,9       | 35        | 36,5       | 43         | 34,6       | 32        | 37,6       | 36        | 37,0       | 33        | 37,9       |

|                      |            |            |           |            |            |            |           |            |           |            |           |            |
|----------------------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|
| Chưa HT              | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>10. GD TC</b>     | <b>472</b> | <b>100</b> | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>107</b> | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt       | 308        | 65,3       | 65        | 67,7       | 69         | 64,5       | 55        | 64,7       | 63        | 65,0       | 56        | 64,4       |
| Hoàn thành           | 164        | 34,7       | 31        | 32,3       | 38         | 35,5       | 30        | 35,3       | 34        | 35,0       | 31        | 35,6       |
| Chưa HT              | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>11. Ngoại ngữ</b> | <b>401</b> | <b>100</b> | <b>55</b> | <b>100</b> | <b>77</b>  | <b>100</b> | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt       | 206        | 51,4       | 28        | 50,9       | 39         | 50,6       | 45        | 52,9       | 50        | 51,5       | 44        | 50,6       |
| Hoàn thành           | 195        | 48,6       | 27        | 49,1       | 38         | 49,4       | 40        | 47,1       | 47        | 48,5       | 43        | 49,4       |
| Chưa HT              | 0          | 0          | 0         | 0          | 0          | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>12. Tin học</b>   | <b>269</b> | <b>100</b> |           |            |            |            | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt       | 143        | 53,2       |           |            |            |            | 44        | 51,8       | 52        | 53,6       | 47        | 54,0       |
| Hoàn thành           | 126        | 46,8       |           |            |            |            | 41        | 48,2       | 45        | 46,4       | 40        | 46,0       |
| Chưa HT              | 0          | 0          |           |            |            |            | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>13. Công nghệ</b> | <b>269</b> | <b>100</b> |           |            |            |            | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt       | 144        | 53,5       |           |            |            |            | 44        | 51,8       | 51        | 52,6       | 49        | 56,3       |
| Hoàn thành           | 125        | 46,5       |           |            |            |            | 41        | 48,2       | 46        | 47,4       | 38        | 43,7       |
| Chưa HT              | 0          | 0          |           |            |            |            | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |
| <b>14. Tiếng DT</b>  | <b>269</b> | <b>100</b> |           |            |            |            | <b>85</b> | <b>100</b> | <b>97</b> | <b>100</b> | <b>87</b> | <b>100</b> |
| Hoàn thành tốt       | 151        | 56,1       |           |            |            |            | 45        | 52,9       | 53        | 54,6       | 53        | 60,9       |
| Hoàn thành           | 118        | 43,9       |           |            |            |            | 40        | 47,1       | 44        | 45,4       | 34        | 39,1       |
| Chưa HT              | 0          | 0          |           |            |            |            | 0         | 0          | 0         | 0          | 0         | 0          |

**\*Xếp loại chất lượng giáo dục khối 1, 2, 3, 4, 5:**

| Khối        | TSHS       | Xếp loại kết quả giáo dục |             |                |             |            |           |                 |          |
|-------------|------------|---------------------------|-------------|----------------|-------------|------------|-----------|-----------------|----------|
|             |            | Hoàn thành Xuất sắc       |             | Hoàn thành tốt |             | Hoàn thành |           | Chưa hoàn thành |          |
|             |            | Số lượng                  | Tỷ lệ       | Số lượng       | Tỷ lệ       | Số lượng   | Tỷ lệ     | Số lượng        | Tỷ lệ    |
| 1           | <b>96</b>  | 23                        | 24,0        | 25             | 26,0        | 48         | 50,0      | 0               | 0        |
| 2           | <b>107</b> | 23                        | 21,5        | 31             | 29          | 53         | 49,5      | 0               | 0        |
| 3           | <b>85</b>  | 20                        | 23,3        | 23             | 26,7        | 43         | 50        | 0               | 0        |
| 4           | <b>97</b>  | 23                        | 23,7        | 25             | 25,8        | 49         | 50,5      | 0               | 0        |
| 5           | <b>87</b>  | 20                        | 23,0        | 24             | 27,6        | 43         | 49,4      | 0               | 0        |
| <b>Tổng</b> | <b>472</b> | <b>109</b>                | <b>23,1</b> | <b>128</b>     | <b>27,1</b> | <b>236</b> | <b>50</b> | <b>0</b>        | <b>0</b> |

**\* Chỉ tiêu thi đua khen thưởng:**

| Khối        | TSHS       | Khen thưởng  |             |                                             |             |                                           |             |
|-------------|------------|--------------|-------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|-------------|
|             |            | TSHS được KT |             | HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện |             | Có thành tích vượt trội/ HS tiêu biểu HTT |             |
|             |            |              |             |                                             |             |                                           |             |
|             |            | SL           | TL          | SL                                          | TL          | SL                                        | TL          |
| 1           | <b>96</b>  | 48           | 50,0        | 23                                          | 24,0        | 25                                        | 26,0        |
| 2           | <b>107</b> | 54           | 50,5        | 23                                          | 21,5        | 31                                        | 29          |
| 3           | <b>85</b>  | 43           | 50          | 20                                          | 23,3        | 23                                        | 26,7        |
| 4           | <b>97</b>  | 48           | 49,5        | 23                                          | 23,7        | 25                                        | 25,8        |
| 5           | <b>87</b>  | 44           | 50,6        | 20                                          | 23,0        | 24                                        | 27,6        |
| <b>Tổng</b> | <b>472</b> | <b>237</b>   | <b>50,2</b> | <b>109</b>                                  | <b>23,1</b> | <b>128</b>                                | <b>27,1</b> |

- HS hoàn thành chương trình tiểu học: 87/87 đạt 100% .
- Số lượng học sinh chuyên lớp : 385/ 385 = 100%
- Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 19/19 lớp = 100%

**\* Tỷ lệ học sinh tham gia Giao lưu viết chữ đẹp cấp trường**

| Lớp         | TSHS       | Số HS tham gia |             | Ghi chú |
|-------------|------------|----------------|-------------|---------|
|             |            | TS             | Tỷ lệ       |         |
| 1           | <b>96</b>  | 24             | 25.0        |         |
| 2           | <b>107</b> | 26             | 24,3        |         |
| 3           | <b>85</b>  | 20             | 23,3        |         |
| 4           | <b>97</b>  | 21             | 21,6        |         |
| 5           | <b>87</b>  | 23             | 26,4        |         |
| <b>Tổng</b> | <b>472</b> | <b>114</b>     | <b>24,2</b> |         |

**\* Số lớp có phong trào Giữ vở sạch – Viết chữ đẹp:** Phần đầu 19/19 lớp đạt 100% (có 80% trở lên học sinh trong lớp viết chữ sạch sẽ, rõ ràng, dễ xem, dễ đọc.

**\* Tỷ lệ học sinh tham gia Giao lưu kiến văn hóa cấp trường, cấp xã**

| Khối | Sĩ số      | Cấp trường |       | Giao lưu |       |
|------|------------|------------|-------|----------|-------|
|      |            |            |       | Cấp xã   |       |
|      |            | SL         | Tỷ lệ | SL       | Tỷ lệ |
| 1    | <b>96</b>  | 18         | 18,8  | 10       | 10,4  |
| 2    | <b>107</b> | 22         | 20,6  | 10       | 9,3   |
| 3    | <b>85</b>  | 20         | 23,3  | 10       | 11,6  |
| 4    | <b>97</b>  | 18         | 18,6  | 10       | 16,5  |
| 5    | <b>87</b>  | 17         | 19,5  | 10       | 17,2  |

|             |            |           |             |           |             |
|-------------|------------|-----------|-------------|-----------|-------------|
| <b>Tổng</b> | <b>472</b> | <b>96</b> | <b>20,3</b> | <b>50</b> | <b>10,6</b> |
|-------------|------------|-----------|-------------|-----------|-------------|

**\* Học sinh năng khiếu Mỹ thuật, Hát nhạc**

| <b>Lớp</b>  | <b>Sĩ số</b> | <b>Mỹ thuật</b> |              | <b>Hát nhạc</b> |              |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|
|             |              | <b>TS HS</b>    |              | <b>TS HS</b>    |              |
|             |              | <b>TS</b>       | <b>Tỷ lệ</b> | <b>TS</b>       | <b>Tỷ lệ</b> |
| 1           | 96           | 24              | 25.0         | 24              | 25.0         |
| 2           | 107          | 26              | 24,3         | 30              | 28           |
| 3           | 85           | 20              | 23,3         | 20              | 23,3         |
| 4           | 97           | 22              | 22,7         | 26              | 26,8         |
| 5           | 87           | 21              | 24,1         | 25              | 28,7         |
| <b>Tổng</b> | <b>472</b>   | <b>113</b>      | <b>23,9</b>  | <b>125</b>      | <b>26,5</b>  |

**\* Violimpic Toán trên mạng Internet ( VIO)**

| <b>Khối</b> | <b>Sĩ số</b> | <b>Cấp trường</b> |              | <b>Giao lưu</b> |              |
|-------------|--------------|-------------------|--------------|-----------------|--------------|
|             |              |                   |              | <b>Cấp tỉnh</b> |              |
|             |              | <b>SL</b>         | <b>Tỷ lệ</b> | <b>SL</b>       | <b>Tỷ lệ</b> |
| 1           | 96           | 10                | 10,41        | 7               | 7,3          |
| 2           | 107          | 11                | 10,3         | 10              | 9,3          |
| 3           | 85           | 9                 | 10,5         | 6               | 7            |
| 4           | 97           | 7                 | 7,2          | 7               | 7,2          |
| 5           | 87           | 7                 | 8,0          | 7               | 8,0          |
| <b>Tổng</b> | <b>472</b>   | <b>44</b>         | <b>9,3</b>   | <b>37</b>       | <b>7,8</b>   |

**\* Violimpic Tiếng anh trên mạng Internet ( IOE)**

| <b>Khối</b> | <b>Sĩ số</b> | <b>Cấp trường</b> |            | <b>Giao lưu</b> |            |
|-------------|--------------|-------------------|------------|-----------------|------------|
|             |              |                   |            | <b>Cấp tỉnh</b> |            |
|             |              | <b>SL</b>         |            | <b>SL</b>       |            |
| 3           | 85           | 6                 | 7          | 4               | 4,7        |
| 4           | 97           | 5                 | 5,2        | 4               | 4,1        |
| 5           | 87           | 5                 | 5,7        | 4               | 4,6        |
| <b>Tổng</b> | <b>269</b>   | <b>16</b>         | <b>5,9</b> | <b>12</b>       | <b>4,5</b> |

\* Tham gia viết thư Quốc tế UPU: 269/472 học sinh tham gia

### 2.3. Chỉ tiêu chất lượng đội ngũ

Năm học 2025 -2026 đơn vị trường tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. Chỉ tiêu phấn đấu về chất lượng đội ngũ cụ thể như sau:

**\* Xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp**

+ CBQL : Tốt 2/2 =100%

+ Giáo viên:

|      |                |                 |   |
|------|----------------|-----------------|---|
| Tốt: | 19/30 = 63,3%  | Đạt chuẩn:      | 0 |
| Khá: | 11/30 = 36,7 % | Chưa đạt chuẩn: | 0 |

\*Giáo viên giỏi các cấp:

|                    |               |            |             |
|--------------------|---------------|------------|-------------|
| Cấp trường:        | 11/30 = 36,7% | Cấp huyện: | 12/30 = 40% |
| Cấp tỉnh (bảo lưu) | 1/30 = 3,3%   |            |             |

\* Giáo viên khá: 6/30 = 20%; Giáo viên Đạt yêu cầu: 0

**\* Xếp loại viên chức :**

+ CBQL: HTXS 1/2 = 50%

+ Giáo viên:

|                |               |                  |               |
|----------------|---------------|------------------|---------------|
| Hoàn thành XS: | 5/30 = 16,7 % | Hoàn thành tốt:  | 25/30 = 83,3% |
| Hoàn thành:    | 0             | Chưa hoàn thành: | 0             |

+ Nhân viên:

|                |           |                 |           |
|----------------|-----------|-----------------|-----------|
| Hoàn thành XS: | 1/4 = 25% | Hoàn thành tốt: | 3/4 = 75% |
|----------------|-----------|-----------------|-----------|

- Số SKKN cấp trường, xã: 22

**\* Chất lượng hồ sơ:**

- Ban giám hiệu: Tốt 2/2 = 100%

- Tổ trưởng: Tốt 3/3 bộ = 100%

- Giáo viên: Tốt: 30/30 bộ = 100% ; Khá: 0/ 30 = 0%

- Hồ sơ nhân viên: Tốt 2/4 bộ = 50%; Khá 2/4 bộ = 50%

**\* Bồi dưỡng thường xuyên**

- CBQL : 2/2 đ/c hoàn thành đạt 100%; GV 30/30 đ/c hoàn thành đạt tỉ lệ 100%.

**Các chỉ tiêu khác:**

**\*Xếp loại thi đua năm học 2025-2026**

- Trường:

Tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc

UBND xã khen, tập thể lao động Xuất sắc UBND tỉnh khen.

- Cá nhân:

+ LĐTT: 36 đồng chí, tỉ lệ 100%

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở: 7 đồng chí, tỉ lệ 19,4%

+ Đề nghị UBND huyện tặng giấy khen: 15 đồng chí, tỉ lệ 41,6 %

+ Đề nghị Sở giáo dục khen: 1 đồng chí, tỉ lệ 2,8%

+ Đề nghị UBND tỉnh khen: 2 đồng chí, tỉ lệ 5,6%

| TT          | Tổ        | Tổng số   | Danh hiệu cá nhân |           |          |           |
|-------------|-----------|-----------|-------------------|-----------|----------|-----------|
|             |           |           | CST Đ             | LĐTT      | HTXS     | UBND xã   |
| 1           | 1         | 11        | 2                 | 11        | 2        | 4         |
| 2           | 2+3       | 10        | 2                 | 10        | 2        | 4         |
| 3           | 4+ 5      | 11        | 2                 | 11        | 2        | 5         |
| 4           | Văn phòng | 4         | 1                 | 4         | 1        | 2         |
| <b>Cộng</b> |           | <b>36</b> | <b>7</b>          | <b>36</b> | <b>7</b> | <b>15</b> |

Kết nạp đảng trong năm học: 4 đảng viên.

- Chi bộ phân đấu đạt: Chi bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc

- Liên đội phân đấu đạt: Liên đội vững mạnh đề nghị xã đoàn tặng giấy khen.

- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực xếp loại: Tốt

- Xây dựng trường có đời sống văn hoá tốt.

#### **IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

##### **1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 thực hiện chương trình theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

| T<br>T                                 | Hoạt động giáo dục                  |            | Số tiết lớp 1 |     |     | Số tiết lớp 2 |     |     | Số tiết lớp 3 |     |     | Số tiết lớp 4 |     |     | Số tiết lớp 5 |     |     |
|----------------------------------------|-------------------------------------|------------|---------------|-----|-----|---------------|-----|-----|---------------|-----|-----|---------------|-----|-----|---------------|-----|-----|
|                                        |                                     |            | Tổng          | HK1 | HK2 | Tổng          | HK1 | HK2 | Tổng          | HK1 | HK2 | Tổng          | HK1 | HK2 | Tổng          | HK1 | HK2 |
| I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc |                                     |            |               |     |     |               |     |     |               |     |     |               |     |     |               |     |     |
| 1                                      | Tiếng Việt                          |            | 420           | 216 | 204 | 350           | 180 | 170 | 245           | 126 | 119 | 245           | 126 | 119 | 245           | 126 | 119 |
| 2                                      | Toán                                |            | 105           | 54  | 51  | 175           | 90  | 85  | 175           | 90  | 85  | 175           | 90  | 85  | 175           | 90  | 85  |
| 3                                      | Tiếng anh                           |            | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 140           | 72  | 68  | 140           | 72  | 68  | 140           | 72  | 68  |
| 4                                      | Đạo đức                             |            | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
| 5                                      | TN&XH                               |            | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   |
| 6                                      | Khoa học                            |            | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  |
| 7                                      | LS&ĐL                               |            | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  |
| 8                                      | Nghệ thuật                          | - Âm nhạc  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
|                                        |                                     | - Mỹ thuật | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
| 9                                      | Tin học                             |            | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
| 10                                     | Công nghệ                           |            | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
| 11                                     | GDTC (Thẻ đục)                      |            | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  |
| 12                                     | Tăng cường Tiếng Việt               |            | 80            | 80  | 0   | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   |
| 13                                     | Đọc sách tại thư viện               |            | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
|                                        | Giáo dục địa phương                 |            | 22            | 12  | 10  | 22            | 12  | 10  | 22            | 12  | 10  | 22            | 12  | 10  | 22            | 12  | 10  |
| 14                                     | Hoạt động trải nghiệm ( HĐGD lớp 5) | -Chào cờ   | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
|                                        |                                     | -HĐCĐ      | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
|                                        |                                     | -SHL       | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  | 35            | 18  | 17  |
| II. Môn học/HĐGD tự chọn               |                                     |            |               |     |     |               |     |     |               |     |     |               |     |     |               |     |     |
| 1                                      | Tiếng dân tộc thiểu số              |            |               |     |     |               |     |     | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  |
| 2                                      | Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)              |            | 70            | 36  | 34  | 70            | 36  | 34  | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   | 0             | 0   | 0   |

|                                                                  |                      |              |     |     |             |     |     |             |     |     |             |     |     |             |     |     |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------|-----|-----|-------------|-----|-----|-------------|-----|-----|-------------|-----|-----|-------------|-----|-----|
| 1                                                                | Tự chọn (Toán)       | <b>35</b>    | 18  | 17  | 35          | 18  | 17  | <b>0</b>    | 0   | 0   | 0           | 0   | 0   | 0           | 0   | 0   |
| 2                                                                | Tự chọn (Tiếng Việt) | 35           | 18  | 17  | <b>35</b>   | 18  | 17  | <b>0</b>    | 0   | 0   | 0           | 0   | 0   | 0           | 0   | 0   |
|                                                                  |                      |              |     |     |             |     |     |             |     |     |             |     |     |             |     |     |
| <b>Tổng số tiết/năm học</b><br>(không kể các môn học tự chọn)    |                      | <b>1.012</b> | 560 | 452 | <b>967</b>  | 498 | 469 | <b>1072</b> | 552 | 520 | <b>1107</b> | 570 | 537 | <b>1107</b> | 570 | 537 |
| <b>Số tiết trung bình/tuần</b><br>(Không kể các môn học tự chọn) |                      | <b>27</b>    |     |     | <b>28</b>   |     |     | <b>32</b>   |     |     | <b>32</b>   |     |     | <b>32</b>   |     |     |
| <b>Số tiết tự chọn/tuần</b>                                      |                      | <b>4</b>     |     |     | <b>4</b>    |     |     | <b>2</b>    |     |     | <b>2</b>    |     |     | <b>2</b>    |     |     |
| <b>Số tiết củng cố, tăng cường/tuần</b>                          |                      |              |     |     |             |     |     |             |     |     |             |     |     |             |     |     |
| <b>Số tiết/tuần</b>                                              |                      | 31           |     |     | 32          |     |     | 33          |     |     | 34          |     |     | 34          |     |     |
| <b>Số buổi dạy/ tuần</b>                                         |                      | 9            |     |     | 9           |     |     | 9           |     |     | 9           |     |     | 9           |     |     |
| <b>Tổng số tiết/ năm học</b>                                     |                      | <b>1152</b>  |     |     | <b>1107</b> |     |     | <b>1142</b> |     |     | <b>1177</b> |     |     | <b>1177</b> |     |     |

\* Ghi chú:

Riêng lớp 1a1,1a2 2a1, 2a2,2a3 tại điểm trường trung tâm dạy 2 tiết tự chọn Tiếng Anh thay cho 2 tiết Tự chọn Tiếng Việt\*. Sử dụng bộ sách Tiếng Anh 1 (English Discovery) của nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Thực hiện Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 3,4, 5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Chương trình Tin học tự chọn (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 3359/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh lớp 1,2;



## 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

### *Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học*

| Tháng           | Chủ điểm                   | Nội dung trọng tâm                                                                           | Hình thức tổ chức                                                        | Thời gian thực hiện | Người thực hiện      | Lực lượng cùng tham gia   |
|-----------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------|---------------------------|
| <b>Tháng 9</b>  | <b>Trường Tiểu học (1)</b> | <b>Tuần 1:</b> Truyền thống nhà trường                                                       | Tuyên truyền                                                             | Tiết 1, ngày 8/9    | TPTĐ                 | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                            | <b>Tuần 2:</b> Làm quen với bạn mới(1)<br>- Tuyên truyền về an toàn giao thông               | Kịch bản, tuyên truyền, Tiểu Phẩm                                        | Tiết 1, ngày 15/9   | TPTĐ                 | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                            | <b>Tuần 3:</b> Giao lưu “Tài năng học trò” (3,4)<br>- Tuyên truyền về an toàn trường học.(1) | Kịch bản<br>Tuyên truyền                                                 | Tiết 1, ngày 22/9   | GVCN 5A3             | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                            | <b>Tuần 4:</b><br>-Tuyên truyền Hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời.                          | Tuyên truyền ( Có các hình thức tổ chức của GV, Hs để Hưởng ứng Tuần...) | Tiết 1, ngày 29/9   | TPT                  | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
| <b>Tháng 10</b> | <b>Rèn nếp sống( 2)</b>    | <b>Tuần 5:</b> Vui trung thu                                                                 | Biểu diễn văn nghệ                                                       | Tiết 1, ngày 06/10  | TPT, GVCN, GV chuyên | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |

|                 |                              |                                                                                                                      |                                     |                    |                             |                           |
|-----------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------|
| <b>Tháng 11</b> | <b>Mái trường em yêu (3)</b> |                                                                                                                      | ( mỗi khối lớp 1 tiết mục văn nghệ) |                    |                             |                           |
|                 |                              | <b>Tuần 6:</b> Sách bút thân yêu(3)<br>- Phát động làm thiệp tặng mẹ và cô nhân ngày 20/10                           | Sân khấu hóa                        | Tiết 1, ngày 13/10 | GVCN 3a1, (đ/c Duyên, Hằng) | PHT, TPT, GV,HS           |
|                 |                              | <b>Tuần 7:</b> Gọn gàng, ngăn nắp(2)<br>- Chia sẻ lời chúc, món quà đến mẹ và cô nhân ngày Phụ nữ Việt Nam           | Tiểu phẩm                           | Tiết 1, ngày 20/10 | 3A2, GV thể chất – TPT      | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                              | <b>Tuần 8:</b> Chủ đề Người tiêu dùng thông minh (3)                                                                 | Sân khấu hóa                        | Tiết 1, ngày 27/10 | GVCN – 4A2                  | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                              | <b>Tuần 9:</b> Phát động tổ chức sự kiện về truyền thống tôn sư trọng đạo(5)<br>- Hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam. | Tiểu phẩm, Tuyên truyền             | Tiết 1, ngày 03/11 | GVCN 5A1                    | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                              | <b>Tuần 10:</b> Tình bạn(3)<br>Thi đua giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp                                                 | Sân khấu hóa                        | Tiết 1, ngày 10/11 | 4A1, TPT – GV chuyên        | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |

|                 |                                      |                                                                                                                |                              |                    |                         |                           |
|-----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------|
| <b>Tháng 12</b> | <b>Tự lực thực hiện nhiệm vụ (4)</b> | <b>Tuần 11:</b> Văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.                                               | Sân khấu hóa                 | ngày 17/11         | TPTĐ, ĐTN               | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                                      | <b>Tuần 12:</b> Gương sáng đội ta (3)                                                                          | Sân khấu hóa                 | Tiết 1, ngày 24/11 | GVCN 5A2                | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                                      | <b>Tuần 13:</b> Tiểu phẩm về chủ đề” Tự phục vụ bản thân” (2)<br>Tuyên truyền phòng tránh tai nạn thương tích. | Sân khấu hóa<br>Tuyên truyền | Tiết 1, ngày 01/12 | GVCN 4A3                | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                                      | <b>Tuần 14:</b> Thư viện em yêu. (3)                                                                           | Tuyên truyền                 | Tiết 1, ngày 8/12  | GVCN 2A1 NVTN           | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                                      | <b>Tuần 15:</b> Biểu diễn văn nghệ và trình diễn thời trang chủ đề “ Nét đẹp học trò”                          | Sân khấu hóa                 | Tiết 1, ngày 15/12 | GVCN 3A3, – GV Chuyên   | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                 |                                      | <b>Tuần 16:</b> Giao lưu Văn nghệ chào mừng ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12                    | Sân khấu hóa                 | Tiết 1, ngày 22/12 | Mỗi khối lớp 1 tiết mục | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |

|         |                                                              |                                                                                                      |                              |                    |                        |                           |
|---------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------------|
|         |                                                              | Tuần 17. Gia đình yêu thương                                                                         | Sân khấu hóa                 | Tiết 1, ngày 29/12 | 3A3, TPT               | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
| Tháng 1 | Mùa xuân của em và gia đình yêu thương<br>( Gộp 02 chủ điểm) | Tuần 18: Giao lưu tiếng Anh                                                                          | Sân khấu hóa.                | Tiết 1, ngày 5/01  | GV tiếng Anh           | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|         |                                                              | Tuần 19: Tham gia múa hát, đọc thơ, diễn kịch chủ đề “Gia đình”                                      | Sân khấu hóa                 | Tiết 1, ngày 12/01 | GVCN -Lớp 5A3, Nv Y tế | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|         |                                                              | Tuần 20: Mùa xuân trên quê hương em.                                                                 | Sân khấu hóa                 | Tiết 1, ngày 19/01 | GVCN 5a1,2a3           | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
| Tháng 2 |                                                              | Tuần 21: Chơi trò chơi dân gian.                                                                     | Trò chơi                     | Tiết 1, ngày 26/01 | TPT, GV thể chất       | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|         |                                                              | Tuần 22: Rèn luyện thể chất bảo vệ sức khỏe.<br>- Trải nghiệm các tình huống phòng tránh bị bắt cóc. | Sân khấu hóa<br>Tuyên truyền | Tiết 1, ngày 02/02 | TPT – GVCN 4A1         | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |

|                                                                        |                          |                                                                                                                                            |              |                    |                     |                           |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------|---------------------------|
|                                                                        |                          | <b>Tuần 23:</b> Tìm hiểu về ngày tết Nguyên Đán và phong tục tập quán của địa phương nhân dịp tết cổ truyền- chủ đề đón tết bên người thân | Sân khấu hóa | Tiết 1, ngày 09/02 | TPT, GVCN 4A2       | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
| Lịch nghỉ tết nguyên đán 2026 ngày từ ngày 14/2 đến hết ngày 22/2/2026 |                          |                                                                                                                                            |              |                    |                     |                           |
|                                                                        |                          | <b>Tuần 24:</b> Hoạt động chào xuân mới năm 2026, trò chơi dân gian, vui hội xuân                                                          | Trò chơi     | Tiết 1, ngày 23/02 | TPT, GV chuyên      | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
| <b>Tháng 3</b>                                                         | <b>Kết nối cộng đồng</b> | <b>Tuần 25:</b> Văn nghệ chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.                                                                                | Sân khấu hóa | Tiết 1, ngày 02/3  | GV hát nhạc 3A1,2A1 | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                                                                        |                          | <b>Tuần 26:</b> Tự chăm sóc bảo vệ bản thân(4)                                                                                             | Sân khấu hóa | Tiết 1, ngày 9/3   | GVCN 4A3            | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                                                                        |                          | <b>Tuần 27:</b> Tham gia hưởng ứng phong trào” Giờ trái đất”                                                                               | Tuyên truyền | Tiết 1, ngày 16/3  | TPT                 | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |

|                |                              |                                                                                                                                                |                 |                    |                    |                           |
|----------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------------|
| <b>Tháng 4</b> | <b>Chia sẻ cộng đồng( 2)</b> | - Ứng phó với biến đổi khí hậu.                                                                                                                |                 |                    |                    |                           |
|                |                              | <b>Tuần 28:</b> Lòng nhân ái kết nối cộng đồng (4)                                                                                             | Sân khấu hóa    | Tiết 1, ngày 23/3  | GVCN 3A1           | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                |                              | <b>Tuần 29:</b> Tham gia tuyên truyền về “ bảo vệ cảnh quan thiên nhiên” (3)<br>Thực hiện trải nghiệm “ Chung tay bảo vệ cảnh quan quê em” (2) | Tuyên truyền    | Tiết 1, ngày 30/3  | TPT, GVCN 3A2      | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                |                              | <b>Tuần 30:</b> Phòng chống ô nhiễm môi trường(3)                                                                                              | Sân khấu hóa    | Tiết 1, ngày 06/04 | GVCN 3A3           | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                |                              | <b>Tuần 31:</b> Tổng kết phong trào “ Chung tay bảo vệ cảnh quan quê em”. Hưởng ứng phong trào “ Vì một hành tinh xanh”                        | Tổ chức sự kiện | Tiết 1, ngày 13/4  | TPT                | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|                |                              | <b>Tuần 32:</b> Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam,                                                                                             | Sân khấu hóa    | Tiết 1, ngày 20/4  | CB, GV toàn trường | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |

|         |                               |                                                                                                 |               |                   |                  |                           |
|---------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------|------------------|---------------------------|
| Tháng 5 | Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp | Chào mừng ngày giải phóng Miền Nam 30/4.<br><b>Tuần 33:</b> Thế giới nghề nghiệp quanh em       | Sân khấu hóa  | Tiết 1, ngày 27/4 | TPT, GVCN 2a1    | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|         |                               | <b>Tuần 34:</b> Thi kể chuyện Bác Hồ<br>- Giáo dục học sinh làm theo tư tưởng, Đạo đức của Bác. | Sân khấu hóa  | Tiết 1, ngày 4/5  | TPT, Toàn trường | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|         |                               | <b>Tuần 35:</b><br>- Đón mùa hè an toàn                                                         | Truyền truyền | Tiết 1, ngày 11/5 | TPT              | PHT, TPT, Đoàn TN, GV, HS |
|         |                               |                                                                                                 |               |                   |                  |                           |

**Phục lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và thời gian bán trú tại trường**

| STT | Nội dung        | Hình thức    | Đối tượng/quy mô           | Thời gian                          | Địa điểm    | Hoạt động      |
|-----|-----------------|--------------|----------------------------|------------------------------------|-------------|----------------|
| 1   | Nội quy bán trú | Tuyên truyền | Học sinh bán trú/Tập trung | Từ 17 h đến 17h30p ngày 3-4/9/2025 | Khu nội trú | Nghe thực hiện |

|   |                                            |                           |                                 |                                         |                       |                                                        |
|---|--------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|
| 2 | Cùng học kỹ năng sống                      | Tuyên truyền, trải nghiệm | Đơn vị lớp                      | Từ 16h 15p đến 17h                      | Khuôn viên nhà trường |                                                        |
| 3 | Giáo dục kỹ năng sống ( An toàn thực phẩm) | Tuyên truyền              | Đơn vị lớp                      | Từ 17h đến 17h 30p <i>ngày 8.9.2025</i> | Khuôn viên nhà trường | Học sinh thực hiện ăn chín, uống sôi, không ăn quà vặt |
| 4 | Khám phá thế giới                          | Đọc sách thư viện         | Đơn vị lớp                      | Từ 16h 15p đến 17h                      | Sân trường            | Đọc sách báo, truyện tranh, tài liệu tham khảo ....    |
| 5 | Các trò chơi + thể thao                    | Thi các nhóm nhỏ          | Học sinh bán trú/ cá nhân, nhóm | <i>Thứ 2+4</i><br>Từ 17h đến 17h 30p    | Sân trường            | Chơi các trò chơi ( nhảy dây, đá cầu...)               |
| 6 | Văn nghệ, nhảy dân vũ                      | Tập trung                 | Học sinh bán trú/ cá nhân, nhóm | <i>Thứ 5</i><br>Tối 20h – 21h           | Sân trường            | Nhảy dân vũ/hát                                        |



## **2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường**

Từng bước đầu tư hệ thống cơ sở vật chất và kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú. Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện theo Quyết định số 2195/BGDĐT ngày 10/08/2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quyết định về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học; tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ theo Tài liệu hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GD&ĐT. Giáo viên thực hiện một số hạt động theo phụ lục 3 như sau :

### **PHỤ LỤC 3. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ BÀI TẬP TĂNG CƯỜNG THỂ LỰC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

#### **1. Trò chơi: CHUYỀN BÓNG TIẾP SỨC**

##### *a) Mục đích:*

- Rèn luyện sự tập trung chú ý, phản xạ, sự nhanh nhẹn, khéo léo của HS
- Có ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình chơi.

##### *b) Nội dung và cách chơi:*

- Chuẩn bị 2-4 quả bóng bằng cao su hoặc nhựa.
- Tập hợp học sinh thành 2-4 hàng dọc có số người bằng nhau. Em đứng đầu hàng hai tay cầm bóng giơ lên cao ở trên đầu.
- Khi có lệnh chơi, các em đầu hàng số 1 quay người sang trái và ra sau trao bóng cho bạn số 2. Số 2 nhận bóng và quay người qua trái ra sau trao bóng cho bạn số 3 và cứ tiếp tục như vậy cho đến người cuối cùng. Người cuối cùng đưa bóng qua phải cho người phía trước và lần lượt chuyển bóng lên đến người đầu hàng số 1. Người đầu hàng số 1 nhận bóng xong giơ lên cao và hô to: “Báo cáo...xong”. Đó là căn cứ để xác định tổ nào nhanh nhất. Trong quá trình chuyển bóng nếu ai để bóng rơi, người đó nhanh chóng nhặt lên và tiếp tục cuộc chơi.
- Phạm quy: là chuyền bóng không lần lượt, mà cách quãng.

##### *c) Khai thác và sử dụng:*

- Căn cứ vào mục đích của trò chơi và nội dung tiết học để sử dụng như một bài tập khởi động hoặc bài tập phát triển sự khéo léo cho học sinh phù hợp với quy tắc giảng dạy GDTC.
- Trò chơi được sử dụng trong các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, trong quá trình sinh hoạt đội sao làm phong phú nội dung, nâng cao hiệu

quả của các hoạt động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình vui chơi, học tập.

## 2. Trò chơi: KÉO CƯA LỪA XẼ

### a) Mục đích:

- Rèn luyện phát triển sức mạnh tay, ngực, khả năng vận động khéo léo;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình chơi.

### b) Nội dung và cách chơi:

- *Chuẩn bị:* tập hợp thành 2-4 hàng ngang, quay mặt vào với nhau thành từng đôi một, cách nhau một vạch kẻ. Đứng chân trước, chân sau, hai bàn tay nắm lấy hai cổ tay của nhau.

- *Cách chơi:* Khi có lệnh của giáo viên, các em cổ động viên vãn điệu người xẻ gỗ, kéo cưa:

“Kéo cưa lừa xẻ,  
Kéo cho thật khỏe  
Cho thật nhịp nhàng  
Cho ngực nở nang  
Chân tay cứng cáp  
Hò dô! Hò dô”

Khi đến “Hò dô! Hò dô” các em thực hiện động tác kéo bạn về phía mình. Em nào kéo bạn được về phía mình là thắng cuộc.

### c) Khai thác và sử dụng:

- Căn cứ vào mục đích của trò chơi và nội dung tiết học để sử dụng như một bài tập khởi động, hoặc bài tập phát triển sức mạnh và sự khéo léo cho học sinh.
- Trò chơi được sử dụng trong các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, trong sinh hoạt đội sao làm phong phú nội dung, nâng cao hiệu quả của các hoạt động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình vui chơi, học tập.

## 3. Trò chơi: NHẢY Ô TIẾP SỨC

### a) Mục đích:

- Rèn luyện kỹ năng bật nhảy, phát triển sức mạnh chân và sự khéo léo;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình chơi.

### b) Nội dung và cách chơi:

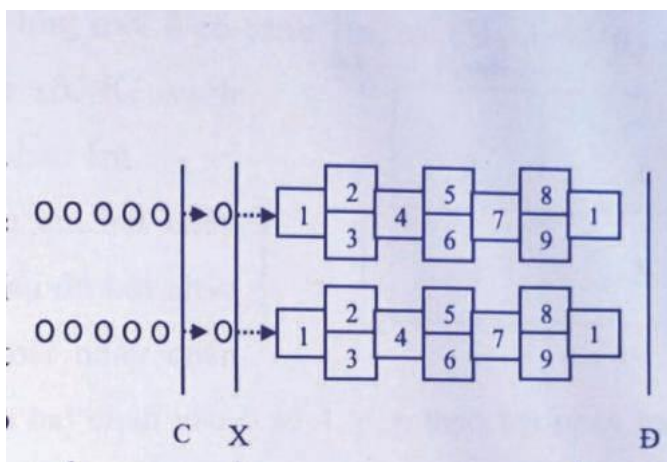
- Tập hợp thành 2 hàng dọc. Khi có lệnh, các em số 1 bật nhảy bằng hai chân vào ô số 1, sau đó bật nhảy 2 chân vào ô số 2, số 3, nhảy chụm 2 chân vào ô số 4

và cứ lần lượt như vậy cho đến đích thì quay lại chạy về vạch xuất phát đưa tay chạm vào tay bạn số 2. Bạn số 2 thực hiện như bạn số 1 và cứ lần lượt như vậy cho đến hết, hàng nào xong trước, ít phạm quy thì thắng cuộc

*c) Khai thác và sử dụng:*

- Căn cứ vào mục đích của trò chơi và nội dung tiết học để sử dụng như một bài tập GDTC cho học sinh phù hợp nguyên tắc giảng dạy GDTC.

- Trò chơi được sử dụng trong các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, trong sinh hoạt đội sao làm phong phú nội dung, nâng cao hiệu quả của các hoạt động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình vui chơi, học tập.



#### 4. Trò chơi: NHẢY ĐÚNG NHẢY NHANH

*a) Mục đích:*

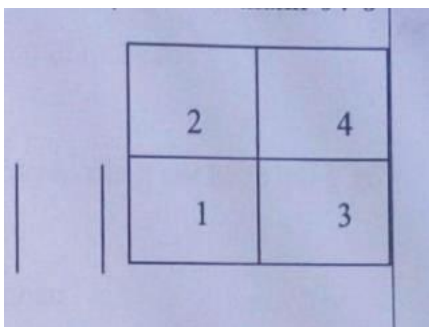
- Rèn luyện kỹ năng bật nhảy, phát triển sức mạnh chân và sự khéo léo;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình chơi.

*b) Nội dung và cách chơi:*

- *Chuẩn bị:* Kẻ 2 ô vuông lớn, mỗi ô có cạnh 1m, rồi chia thành 4 ô nhỏ, mỗi ô 0,5m và đánh số. Kẻ vạch chuẩn bị và xuất phát cách nhau 1m.

- *Cách chơi:* Lần lượt từng em bật nhảy bằng hai chân vào ô số 1, sau đó bật nhảy chân trái vào ô số 2, rồi bật nhảy chân phải vào ô số 3, nhảy chụm hai chân vào ô số 4, tiếp theo bật nhảy hai chân ra ngoài. Em số 1 nhảy xong đến em số 2 và lần lượt như vậy cho đến hết.

Bạn số 2 thực hiện như bạn số 1 và cứ lần lượt như vậy cho đến hết, hàng nào xong trước, ít phạm quy thì thắng cuộc.



c) Khai thác và sử dụng:

- Căn cứ vào mục đích của trò chơi và nội dung tiết học để sử dụng như một bài tập khởi động, hoặc bài tập phát triển sức mạnh chân và sự khéo léo linh hoạt cho học sinh.

- Trò chơi được sử dụng trong các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, trong sinh hoạt đội sao làm phong phú nội dung, nâng cao hiệu quả của các hoạt động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình vui chơi, học tập.

## 5. Trò chơi: TÂNG CẦU

a) Mục đích:

- Rèn luyện sự khéo léo, chính xác và sức mạnh của tay;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình chơi.

b) Nội dung và cách chơi:

- Chuẩn bị: Tập hợp thành một vòng tròn hoặc những hàng ngang. Em nọ đứng cách em kia tối thiểu 1,5m. Mỗi em một quả cầu

- Cách chơi:

- Cách 1: Từng em đứng tại chỗ hoặc di chuyển dùng tay hoặc bảng gỗ nhỏ, hoặc vợt bóng bàn... để tâng cầu.

- Cách 2: Đứng theo từng đôi tâng cầu cho nhau.

- Cách 3: Thi tâng cầu tối đa hoặc tâng cầu nhanh hơn trong 1 phút xem ai được số lần nhiều hơn.

c) Khai thác và sử dụng:

- Căn cứ vào mục đích của trò chơi và nội dung tiết học để sử dụng như một bài tập phát triển sức mạnh tay và sự khéo léo linh hoạt, chính xác cho học sinh.

- Trò chơi được sử dụng trong các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, trong giờ sinh hoạt đội sao làm phong phú nội dung, nâng cao hiệu quả của các hoạt động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình vui chơi, học tập.

## 6. Trò chơi: CHẠY TIẾP SỨC

a) Mục đích:

- Rèn luyện kỹ năng chạy, phát triển sức nhanh và phối hợp, tính tập thể;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình chơi.

*b) Nội dung và cách chơi:*

- *Chuẩn bị:* Kẻ vạch xuất phát và vạch đích cách nhau 6-8m. Tập hợp học sinh trong lớp thành 2-4 hàng dọc sau vạch xuất phát, các hàng có số người bằng nhau.

- *Cách chơi:* Khi có lệnh, các em số 1 của mỗi hàng chạy nhanh vòng qua vạch đích rồi chạy về vạch xuất phát chạm tay hoặc trao cho bạn số 2 một vật..., số 2 nhận xuất phát và thực hiện như số 1 và cứ lần lượt như vậy cho đến hết, hàng nào xong trước, ít phạm quy thì thắng cuộc.

- Các trường hợp phạm quy:

- Xuất phát trước lệnh hoặc trước khi chạm tay bạn chạy trước.
- Không vòng qua cờ.

*c) Khai thác sử dụng:*

- Căn cứ vào mục đích của trò chơi và nội dung tiết học để sử dụng như một bài rèn luyện kỹ năng vận động, phát triển sức nhanh và sự phối hợp trong sinh hoạt tập thể.

- Trò chơi được sử dụng trong các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, trong sinh hoạt đội sao làm phong phú nội dung, nâng cao hiệu quả của các hoạt động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể, giúp đỡ, động viên bạn trong quá trình vui chơi, học tập.

## 7. Trò chơi: BẮT VỊT CON

*a) Mục đích:*

- Rèn luyện cho trẻ sự linh hoạt, nhanh nhạy, phối hợp vận động.
- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình chơi.

*b) Nội dung và cách chơi:*

- *Cách chơi:* Giáo viên vẽ 1 vòng tròn to làm ao để trẻ đứng vào bên trong, đóng vai đàn vịt.

- Chọn 3 đến 5 trẻ làm người chăn vịt đứng ngoài vòng tròn.

- Khi người chăn vịt gọi: “vít, vít, vít” và vẫy tay gọi vịt thì các con vịt lên bờ, ra khỏi vòng tròn tiến về người chăn vịt.

- Khi vịt đến gần, giáo viên ra hiệu lệnh: “Bắt vịt con” thì người chăn vịt đuổi theo để bắt vịt. Các con vịt phải chạy nhanh xuống ao, vừa chạy vừa kêu: “Vít, vít, vít...)

- Khi đã xuống ao rồi, vịt con vừa bơi vừa kêu: “vít, vít, vít”. Nếu con vịt nào bị chạm tay vào thì coi như đã bị bắt. Ai bị bắt phải ra ngoài một lần chơi.

Sau vài lần chơi thì giáo viên cho đổi vai chơi. Nhắc nhở trẻ đóng vai vịt phải thường xuyên lên bờ (ra khỏi vòng tròn) như vậy cuộc chơi mới thú vị.

- *Luật chơi:* Trẻ chỉ được bắt vịt ở ngoài vòng tròn. Ai chạm được vào vai trẻ làm vịt coi như bắt được vịt.

## 8. Trò chơi: Ô TÔ VÀ CHIM SẼ

### a) Mục đích:

- Rèn luyện phản xạ, tập trung vào mục tiêu, sự phối hợp động tác cho nhịp nhàng;

- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình chơi.

### b) Nội dung và cách chơi:

Giáo viên hướng dẫn chuẩn bị 1 hoặc 2 vòng tròn nhỏ đường kính khoảng 20cm. Giáo viên hướng dẫn quy định chỗ chơi ở giữa sân chơi, vẽ hai cạnh đường giới hạn làm đường ô tô, hai bên là vỉa hè.

Giáo viên hướng dẫn cầm vòng tròn xoay xoay giả làm động tác lái “ô tô”, trẻ giả làm “chim sẻ”.

Các con “chim sẻ” phải nhảy kiểm ăn trên mặt đường, vừa nhảy vừa thỉnh thoảng ngồi xuống giả vờ mổ thóc ăn.

Giáo viên hướng dẫn giả tiếng ô tô kêu “bim bim” và chạy đến. Chim sẻ (trẻ chơi) phải nhanh chân bay (chạy) nhanh lên các vòm cây bên đường (ra ngoài lề đường chạy ô tô).

Khi “ô tô” đã chạy qua rồi, “chim sẻ” lại xuống đường vừa nhảy vừa mổ thóc ăn. Sau khi trẻ đã chơi quen, giáo viên hướng dẫn chọn khoảng hai em nhanh nhẹn làm “ô tô”.

- *Luật chơi:* Khi nghe thấy tiếng còi kêu: “bim, bim” trẻ phải nhảy tránh sang hai bên kia đường.

### *Chú ý:*

- Để trẻ không bị luống cuống khi né tránh, giáo viên hướng dẫn cần phải kêu “bim bim” cho to và chạy chậm chậm khi đến gần bên trẻ.

- Giáo viên hướng dẫn cần phải nhắc nhở các em không được xô đẩy nhau trong khi chơi.

Để cho trò chơi vui nhộn, khi trẻ nhảy khoảng 30 giây thì ô tô nên xuất hiện và kêu «bim bim».

## 9. Trò chơi: DI CHUYỂN THĂNG BẰNG

### a) Mục đích:

- Phát triển khả năng phối hợp vận động, giữ thăng bằng của trẻ.

- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình chơi.

### b) Nội dung và cách chơi:

- *Chuẩn bị:* Băng keo màu hoặc các bóng thăng bằng

Vẽ một vạch xuất phát và đích, khoảng cách di chuyển từ 10m đến 15m.

Ở giữa khoảng cách di chuyển chúng ta thiết kế các vạch màu khác nhau hoặc bóng thăng bằng.



- *Cách chơi:*

Cho các bạn xếp thành các hàng dọc, mỗi đội có 3 đến 5 bạn, tiến hành thi đấu di chuyển trên đường thẳng hoặc di chuyển trên bóng thăng bằng. Bạn tiếp theo được phép di chuyển khi bạn đi trước đã hoàn thành cự ly thi đấu

Đội nào có người cuối cùng hoàn thành được hết cự ly di chuyển sớm nhất sẽ thắng

#### 10. Trò chơi: ĐUA NGỰA

a) *Mục đích:*

- Rèn luyện phản xạ, khả năng mô phỏng, sự phối hợp động tác cho nhịp nhàng;

- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình chơi.

b) *Nội dung và cách chơi:*

- *Cách chơi:* Cho trẻ đứng thành 2-3 tổ. Cô giáo nói: “Các cháu giả làm các con ngựa. Bây giờ chúng ta chơi đua ngựa. Khi chạy, các cháu nhớ làm động tác chạy như ngựa phi bằng cách nâng cao đùi lên. Thi xem ai làm giống ngựa phi nhất và nhanh nhất sẽ là người thắng cuộc”.

- Cho trẻ chạy khoảng 20m rồi quay lại. Mỗi lần 3 cháu của 3 tổ cùng chơi, thi đua xem tổ nào có nhiều con ngựa phi nhanh.

Tùy theo điều kiện giáo viên tổ chức các trò chơi vận động cho phù hợp, đảm bảo an toàn

### 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Nhà trường có 04 điểm trường lẻ có 5 lớp với 71 học sinh. 100% học sinh tại 04 điểm trường được tham gia học 2 buổi/ngày; thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông đối

với lớp 1, 2, 3, 4,5 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo nội dung KHGD nhà trường đã xây dựng tại phụ lục 1.1.

Việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động tập thể được phân công cho Tổng phụ trách đội thực hiện HĐ chào cờ theo nghi thức đội, các giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên được phân công tổ chức các hoạt động trải nghiệm, HĐGD theo lớp.

#### **4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông thực hiện như sau:

Ngày tựu trường: - Lớp 1: Thứ sáu, ngày 22/8/2025.

- Lớp 2, 3,4,5: Thứ sáu, ngày 29/8/2025

Tổ chức khai giảng vào ngày 05/9/2025.

Thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2025-2026

+ Học kì I từ ngày 08/9/2025 kết thúc ngày 09/01/2026 (có 18 tuần thực học; còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Học kì II từ ngày 12/01/2026 hoàn thành trước ngày 31/5/2026 (có 17 tuần thực học; còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Kết thúc năm học 2025-2026 ngày 31/5/2025.

Các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, các ngày nghỉ khác:

- Nghỉ Quốc khánh 02/9

- Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch

- Ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước 30/4

- Ngày Quốc tế lao động 01/5

Tại trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

**Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**



| TT              | Môn học và<br>Hoạt động giáo dục |          | Lớp 1        |              | Lớp 2        |              | Lớp 3        |              | Lớp 4        |              | Lớp 5        |              | Ghi chú |
|-----------------|----------------------------------|----------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|
|                 |                                  |          | Theo<br>TT32 | Tăng<br>thêm | Theo<br>TT32 | Tăng<br>thêm | Theo<br>TT32 | Tăng<br>thêm | Theo<br>TT32 | Tăng<br>thêm | Theo<br>TT32 | Tăng<br>thêm |         |
| 1               | Tiếng Việt                       |          | 12           | 2            | 10           | 2            | 7            |              | 7            |              | 7            |              |         |
| 2               | Toán                             |          | 3            | 2            | 5            | 2            | 5            |              | 5            |              | 5            |              |         |
| 3               | Đạo đức                          |          | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
| 4               | TN&XH                            |          | 2            |              | 2            |              | 2            |              |              |              |              |              |         |
| 6               | Khoa học                         |          |              |              |              |              |              |              | 2            |              | 2            |              |         |
| 7               | LS&DL                            |          |              |              |              |              |              |              | 2            |              | 2            |              |         |
| 8               | Nghệ<br>thuật                    | Âm nhạc  | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
|                 |                                  | Mỹ thuật | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
| 9               | Công nghệ                        |          |              |              |              |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
| 10              | GDTC                             |          | 2            |              | 2            |              | 2            |              | 2            |              | 2            |              |         |
| 11              | HĐTN (khối 1, 2, 3,4,5 )         |          | 3            |              | 3            |              | 3            |              | 3            |              | 3            |              |         |
| 12              | Tiếng Anh                        |          |              |              |              |              | 4            |              | 4            |              | 4            |              |         |
| 13              | Tin học                          |          |              |              |              |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
| 14              | Tăng cường Tiếng Việt            |          |              |              | 1            |              | 1            |              |              |              |              |              |         |
| 15              | Đọc sách tại thư viện            |          | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
| 16              | Giáo dục địa phương              |          | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              | 1            |              |         |
| Tổng            |                                  |          | 27           | 4            | 28           | 4            | 31           | 2            | 32           | 2            | 32           | 2            |         |
| Tổng chung/tuần |                                  |          | 31           |              | 32           |              | 33           |              | 34           |              | 34           |              |         |

**Lưu ý:** Đối với lớp 1a1, 1a2, 2a1,2a2,2a3 tại điểm trường Trung tâm dạy 2 tiết tự chọn Tiếng anh thay cho 2 tiết Tự chọn Tiếng Việt\*, Toán\*. Khối 1,2 ở điểm bản thay 2 tiết Tiếng anh tự chọn bằng 01 tiết Toán\* và 01 Tiếng việt\*.

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học  
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần  
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 1**

| TUẦN              |             |                |                |                |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------|-------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| THỜI GIAN         |             | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Điều chỉnh kế hoạch<br>Tuần                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Buổi              | Tiết<br>học | Thứ 2          | Thứ 3          | Thứ 4          | Thứ 5          | Thứ 6          | Thứ 7          | Chủ<br>nhật    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Sáng              | 1           | HĐTN           | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng việt     |                |                | - Kế hoạch dạy bù đối<br>với các ngày nghỉ lễ<br>theo quy định hoặc các<br>ngày nghỉ khác vì lý do<br>bất khả kháng.<br>- Điều chỉnh kế hoạch<br>đối với các ngày tổ<br>chức hoạt động tập thể<br>quy mô lớn ảnh hưởng<br>đến kế hoạch dạy học<br>của toàn trường hoặc<br>khối lớp. |
|                   | 2           | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng việt     |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                   | 3           | Tiếng việt     | Toán           | Toán           | Thể dục        | Toán           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                   | 4           | Toán*          | Tiếng việt     | GDDP           | ĐSTV           | HĐTN           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Chiều             | 1           | Thể dục        | Tiếng anh      | Tiếng anh      | TNXH           |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                   | 2           | Mỹ thuật       | Tiếng việt     | Đạo đức        | Tiếng việt     |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                   | 3           | Âm nhạc        | HĐTN           | TNXH           |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tổng số tiết/tuần |             | 31 tiết/Tuần;  |                |                |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học  
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần  
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 2**

| TUẦN              |          |                |                |                |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------|----------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| THỜI GIAN         |          | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Điều chỉnh kế hoạch Tuần                                                                                                                                                                                                                              |
| Buổi              | Tiết học | Thứ 2          | Thứ 3          | Thứ 4          | Thứ 5          | Thứ 6          | Thứ 7          | Chủ nhật       |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Sáng              | 1        | HĐTN           | Toán           | Tiếng việt     | Mỹ Thuật       | Tiếng việt     |                |                | - Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.<br>- Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp. |
|                   | 2        | Toán           | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Toán           | Toán           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 3        | Thể dục        | Toán*          | Tiếng việt *   | Tiếng việt     | Tiếng anh      |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 4        | TV             | HĐTN           | Toán           | ĐSTV           | HĐTN           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Chiều             | 1        | Đạo đức        | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng anh      |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 2        | Tiếng việt     | TNXH           | TNXH           | Tiếng việt     |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 3        | Thể dục        | TCTV           | Âm nhạc        | GDDP           |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Tổng số tiết/tuần |          | 32 tiết/Tuần;  |                |                |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học  
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần  
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 3**

| TUẦN              |          |                |                |                |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------|----------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| THỜI GIAN         |          | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Điều chỉnh kế hoạch Tuần                                                                                                                                                                                                                              |
| Buổi              | Tiết học | Thứ 2          | Thứ 3          | Thứ 4          | Thứ 5          | Thứ 6          | Thứ 7          | Chủ nhật       |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Sáng              | 1        | HĐTN           | Thể dục        | Mỹ thuật       | Toán           | Toán           |                |                | - Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.<br>- Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp. |
|                   | 2        | Toán           | Toán           | Âm nhạc        | T.Mông         | T.Mông         |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 3        | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Toán           | Tiếng việt     | Tiếng anh      |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 4        | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tiếng việt     | Tin học        | HĐTN           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 5        |                |                | Tiếng việt     |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Chiều             | 1        | Đạo đức        | C.nghe         | TCTV           | TNXH           |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 2        | Thể dục        | TNXH           | Tiếng anh      | Tiếng anh      |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                   | 3        | HĐTN           | ĐSTV           | Tiếng anh      | GDĐP           |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Tổng số tiết/tuần |          | 33 tiết/Tuần;  |                |                |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học  
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần  
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 4**

| TUẦN                     |             |                |                |                |                 |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------|-------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| THỜI GIAN                |             | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>/tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Điều chỉnh kế hoạch Tuần                                                                                                                                                                                                                              |
| Buổi                     | Tiết<br>học | Thứ 2          | Thứ 3          | Thứ 4          | Thứ 5           | Thứ 6          | Thứ 7          | Chủ nhật       |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Sáng                     | 1           | HĐTN           | Tiếng việt     | Tiếng anh      | C.nghe          | Toán           |                |                | - Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.<br>- Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp. |
|                          | 2           | Tiếng anh      | Tiếng việt     | Tin học        | Tiếng anh       | Tiếng việt     |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                          | 3           | Toán           | Thẻ dục        | Toán           | Toán            | Thẻ dục        |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                          | 4           | Tiếng việt     | Toán           | Tiếng việt     | Tiếng việt      | LS- ĐL         |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                          | 5           |                |                | T. Mông        |                 | HĐTN           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Chiều                    | 1           | Tiếng anh      | Âm nhạc        | Tiếng việt     | T.Mông          |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                          | 2           | Đạo đức        | ĐSTV           | Khoa học       | LS- ĐL          |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                          | 3           | Mỹ thuật       | Khoa học       | HĐTN           | GĐĐP            |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                          | 4           |                |                |                |                 |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>Tổng số tiết/tuần</b> |             | 34 tiết/Tuần;  |                |                |                 |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                       |

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học  
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần  
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 5**

| TUẦN              |          |                |                |                 |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------|----------|----------------|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| THỜI GIAN         |          | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>/tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Ngày/<br>tháng | Điều chỉnh kế hoạch Tuần                                                                                                                                                                                                                                         |
| Buổi              | Tiết học | Thứ 2          | Thứ 3          | Thứ 4           | Thứ 5          | Thứ 6          | Thứ 7          | Chủ nhật       |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Sáng              | 1        | HĐTN           | Toán           | Toán            | Toán           | Tiếng anh      |                |                | <p>- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.</p> <p>- Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.</p> |
|                   | 2        | Thể dục        | Tiếng việt     | Tiếng anh       | Tiếng việt     | Tiếng anh      |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | 3        | Toán           | Tin học        | Tiếng anh       | M.Thuật        | Toán           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | 4        | Khoa học       | ĐSTV           | Tiếng việt      | Âm nhạc        | Tiếng việt     |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | 5        |                |                | Tiết việt       |                | HĐTN           |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Chiều             | 1        | C.ngệ          | Tiếng việt     | Thể dục         | LS- ĐL         |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | 2        | Tiếng việt     | T.Mông         | LS -ĐL          | GDĐP           |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | 3        | Đạo đức        | T.Mông         | HĐTN            | Khoa học       |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | 4        |                |                |                 |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Tổng số tiết/tuần |          | 34 tiết/Tuần;  |                |                 |                |                |                |                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |

## **V. Giải pháp thực hiện**

### **1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Tăng cường khai thác sử dụng thiết bị dạy học hiện tại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ, thông tin, thiết bị dạy học số, trang “ hành trang số” phần mềm dạy học,... Tiếp tục xây dựng các sân chơi vận động ngoài trời, trong đó có các loại đồ chơi, thiết bị vận động phù hợp với độ tuổi học sinh tiểu học. Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch kinh phí và tổ chức mua thiết bị dạy học mới theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp theo quy định. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kỹ thuật".

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

- Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVN, tu sửa các điểm trường.

- Trang bị bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

### **2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ**

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;
- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các tổ khối trong trường và các đơn vị trường trong xã;
- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018...

Căn cứ vào văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16-4-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; Văn bản số 739/SGDĐT-GDTH ngày 29-4-2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học từ năm học 2020-2021; Căn cứ vào Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên và điều kiện thực tế thời gian trong năm học trường PTDTBT Tiểu học Sa Long thực hiện Sinh hoạt chuyên môn cụ thể như sau:

Sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch chung.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Tiếng Anh, Tin học) tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo cụm trường với hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tích hợp các nội dung về giáo dục “An ninh quốc phòng”, “Giáo dục kỹ năng sống”, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, an toàn giao thông, giáo dục STEM, giáo dục địa phương và các môn học.

### **3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo Chương trình GDPT 2018.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút, nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tuần tập trung vào nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình môn học, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học (*Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học*).
- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.
- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, tham gia SHCM cụm trường theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;
- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu Chương trình GDPT 2018;



- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018.

+ *Công tác bồi dưỡng giáo viên*

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút. Tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường, nội dung tập trung vào nghiên cứu CTGDPT tổng thể, chương trình môn học, ứng dụng công nghệ thông tin,...

- Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, quan sát lớp học ( lấy học sinh làm trung tâm), thông qua nghiên cứu bài học và khai thác chuyên đề dạy học.

+ *Công tác bồi dưỡng thường xuyên*

Đối với CBQL: CBQL các đơn vị trường tự chọn các mô đun bồi dưỡng nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường theo yêu cầu vị trí việc làm trong Chương trình bồi dưỡng thường xuyên CBQL cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của GDĐT.

Đối với giáo viên: giáo viên các đơn vị trường tự chọn các mô đun bồi dưỡng nhằm phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của GDĐT.

Thực hiện theo kế hoạch số 2184/KH - SGDDT ngày 29/7/2025 của Sở giáo dục & Đào tạo tỉnh Điện Biên về kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025- 2026.

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDDT- GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

+ *Thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp xã*

Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp xã theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GD&ĐT.

#### **4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông,

phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

## **5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Giáo dục An toàn giao thông.**

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kỹ năng sống. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

- Triển khai sử dụng Bộ tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để giáo dục tích hợp, lồng ghép nội dung

giáo dục an toàn giao thông vào quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trong trường tiểu học.

## **6. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương**

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

## **7. Thực hiện triển khai giáo dục STEM trong các môn học**

Xây dựng kế hoạch giáo dục STEM các môn học, lựa chọn bài học phù hợp để triển khai ở từng khối lớp theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Năm học 2025-2026 thực hiện giáo dục STEM từ lớp 1 đến lớp 5 với số lượng 7-10 bài/ lớp, chủ yếu ở các môn học: Toán, TNXH, Mĩ thuật, Khoa học, Tin học, Âm nhạc, Công nghệ là các môn chủ đạo.

UBND xã tổ chức tập huấn giáo viên, hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

## **8. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình GDPT 2018**

### *a) Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1*

- Đối với lớp 1, lớp 2: Tiếp tục triển khai Chương trình tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình làm quen với tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT. Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT 2018 và các quy định hiện hành.

- Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5:

Nhà trường tổ chức 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học môn Tiếng Anh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GD&ĐT.

Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT.

Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cấp tiểu học theo Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các

phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

#### *b) Tổ chức dạy học môn Tin học*

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học).

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

### **9. Thực hiện dạy tiếng dân tộc Mông**

Thực hiện Chương trình tiếng Mông, tiếng Thái tự chọn (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh lớp (1,2,3,4,5).

Nhà trường căn cứ tình hình thực tiễn, nhu cầu học tập của học sinh dân tộc dân tộc Mông và đội ngũ giáo viên dạy tiếng Mông trên địa bàn; chỉ đạo giáo viên tăng cường tuyên truyền, khuyến khích, hướng dẫn học sinh lựa chọn môn học tự chọn tiếng Mông để tổ chức dạy học tự chọn đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ GDĐT<sup>1</sup> nhằm bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Mông trên địa bàn xã phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương và nhu cầu của học sinh, nhân dân trên địa bàn.

### **10. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú**

#### *a) Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày*

- Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày 19/19 lớp, đảm bảo tỷ lệ giáo viên/ lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT. Công văn số 298/UBND - VHXXH ngày 28/8/2025 của UBND xã Na Sang về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về dạy học 2 buổi/ngày.

- Tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-

---

*Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2030”.*

BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế để tổ chức cho học sinh ăn ngủ tại trường theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học; tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ theo Tài liệu hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

#### ***b) Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh các trường PTDT bán trú***

Từng bước đầu tư hệ thống cơ sở vật chất và kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TTBGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

### **11. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ chậm phát triển, lớp ghép**

#### ***\* Đối với trẻ khuyết tật***

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên thực hiện Luật Người khuyết tật 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ GDĐT - Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.
- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.
- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.
- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Tin học, Âm nhạc...
- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.
- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.
- Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

**\* Đối với học sinh lớp ghép**

- Căn cứ vào đối tượng học sinh ( học sinh dân tộc), đặc điểm lớp học ( lớp ghép) để xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục.
- Thực hiện dạy học bằng nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học linh hoạt, tăng cường luyện nói, viết, đọc tiếng việt cho học sinh.
- Tăng cường dạy học tiếng việt cho học sinh; Tổ chức tốt các tiết đọc sách tại thư viện để bồi dưỡng và phát triển năng lực ngôn ngữ, vốn Tiếng việt cho học sinh.
- Tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, học tập, hoạt động trải nghiệm để tăng cường tiếng việt cho học sinh.
- Thực hiện tốt nội dung bồi dưỡng, phù đạo cho học sinh để nâng cao chất lượng dạy và học.
- Thực hiện linh hoạt các hoạt động dạy học lớp ghép. Phát huy tối đa năng lực hoạt động, vai trò của nhóm trưởng trong điều hành, thực hiện nhiệm vụ học tập của lớp ghép.
- Tập huấn về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lớp ghép cho giáo viên ngay từ đầu năm học.
- Hướng dẫn giáo viên soạn giảng chung trình độ đối với một số môn học, tiết học đặc thù, không thể dạy riêng lẻ như: Âm nhạc, giáo dục thể chất, Đọc sách thư viện, HĐTN-SHDC.
- Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu cho 01 lớp ghép tại nhà trường.

- Chế độ phụ cấp dạy lớp ghép cho giáo viên tiểu học thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

## **12. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.**

### **a) Tăng cường tiếng việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số**

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 2, 3. Thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 đến các trường có học sinh tiểu học trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

Xây dựng kế hoạch và thực hiện dạy tăng cường Tiếng Việt ở các lớp 1, 2, 3 và lớp 4. Tổ chức tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 1 tiết/tuần.

Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt (*Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3; Quyết định số 521/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2022 dành cho giáo viên lớp 4 và học sinh lớp 4*).

*b) Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1*

Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết).

Dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo các nội dung cụ thể sau: Chuẩn bị tâm thế vào lớp Một; Hình thành các kỹ năng học tập cơ bản; Hình thành và phát triển năng lực nghe, nói; Hình thành và phát triển năng lực đọc; Hình thành và phát triển năng lực viết.

Các nội dung này được sắp xếp theo trình tự khoa học, tương ứng với 20 bài học, thể hiện thông qua các chủ đề, chủ điểm gần gũi và phù hợp với trẻ theo định hướng tiếp cận năng lực và phẩm chất người học.

Tiếp cận theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, trong đó lấy việc hình thành và phát triển năng lực tiếng Việt làm định hướng cơ bản.

Thực hiện phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, phương pháp dạy học ngôn ngữ thứ hai để dạy học tiếng Việt cho trẻ.

Tổ chức thông qua hoạt động chơi, trải nghiệm, khám phá, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của trẻ trong độ tuổi chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học.

Tích hợp dạy và học tiếng Việt với dạy các kỹ năng học tập ban đầu, tích hợp dạy và học tiếng Việt với dạy và học văn hóa dân tộc.

Bảo đảm tính kế thừa và liên thông: nội dung dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một kế thừa nội dung của chương trình giáo dục bậc Mầm non và liên thông với nội dung của chương trình giáo dục cấp Tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức kiểm tra đánh giá việc tổ chức dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS phù hợp với điều kiện của địa phương.

### **13. Thực hiện bồi dưỡng và phụ đạo học sinh**

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

- Giáo viên các khối lớp thực hiện tốt việc khảo sát chất lượng học sinh đầu năm. Phân loại chất lượng học sinh.

- Xây dựng nội dung bồi dưỡng, phụ đạo học sinh.

- Thực hiện dạy học bồi dưỡng, phụ đạo theo hình thức phân hoá đối tượng qua các tiết học chính khóa và tiết củng cố tăng cường.

- Trong mỗi tiết học cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập.

### **14. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác dạy học và quản lý**

#### **a) Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo**

Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện đơn vị. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên; khuyến khích các cơ sở giáo dục duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị sẵn các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức dạy học trực tiếp được.

Tổ chức 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống "Trường học kết nối", khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm



của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học.

Hiệu trưởng trường có học sinh tiểu học quyết định và cho phép cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế được phép sử dụng hồ sơ (*bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...*) điện tử để quản lý trên môi trường số. Báo cáo số lượng (kèm theo danh sách) cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phép sử dụng hồ sơ điện tử về Sở GD&ĐT trước ngày 20/9/2025.

*b) Thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học.*

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

Nội dung giáo dục kỹ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

*c) Triển khai Học bạ số*

100% các lớp học thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chỉ thị số 04/CTTTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

## **15. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá**

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Nhà trường cần xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với

các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, tuyệt đối không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp đánh giá thường xuyên, biên soạn xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định của Bộ GD&ĐT Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGD&ĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GD&ĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT cho phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này

#### **16. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học**

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội, Chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT dưới nhiều hình thức, đa dạng, hiệu quả.

Nêu gương CBQL, GV điển hình thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong cấp quản lý và cơ sở giáo dục.

Tăng cường truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các đơn vị trường học cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018.

Cán bộ quản lý, giáo viên chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của ngành, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

#### **17. Đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.**

- Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng trong báo cáo tự đánh giá. Tự kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên tài khoản truy cập của nhà trường.

-Thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm duy trì trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

### **18. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học**

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương. Lập kế hoạch bảo trì các công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn không đảm bảo an toàn chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Đối với Hiệu trưởng**

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã về hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục;

- Tham mưu với chính quyền địa phương và Sở GD&ĐT về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kỳ; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

### **2. Đối với Phó hiệu trưởng**

- Giúp Hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn; công tác Phổ cập giáo dục tiểu học và kế hoạch đầu việc trong phạm vi công việc phụ trách.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

- Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn, tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển học sinh năng khiếu.

- Quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện thiết bị, - Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục của các khối lớp.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.
- Làm tốt công tác tuyên truyền, truyền thông về giáo dục, phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác tư vấn chuyên môn cho nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng môi trường kết nối bộ.

- Xây dựng chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tư vấn chuyên môn cho nhà trường, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, kiểm tra chuyên môn. Công tác phổ cập giáo dục, XMC. Tham mưu, tăng cường cơ sở vật chất cho dạy và học đảm bảo theo chuẩn quy định.

- Kịp thời phản ánh với Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp và hiệu quả.

### **3. Đối với tổ trưởng chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định ( 2 lần/tháng)

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

### **4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM**

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

### **5. Đối với giáo viên chủ nhiệm**

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

## **6. Đối với giáo viên phụ trách môn học**

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

## **7. Đối với nhân viên**

### **7.1. Nhân viên TV**

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện

- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện

- Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;

- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

### **7.2 Nhân viên TB**

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thiết bị;

- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thiết bị;

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

- Bảo quản, vệ sinh thường xuyên, không làm mất, hư hỏng tài sản, thiết bị nhà trường. Nhập kho các loại thiết bị được cấp hoặc mua về, lập sổ ghi chép lưu trữ hoá đơn chứng từ trước khi đưa vào sử dụng.

### **7.3. Nhân viên Y tế**

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.

- Công tác bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kỳ. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

#### **7.4. Nhân viên kế toán**

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, tháng.

- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

#### **7.4. Nhân viên phục vụ**

- Thu và giữ các loại quỹ, các khoản thu trong nhà trường.

- Nhận công văn đi, đến vào sổ theo qui định và chuyển cho hiệu trưởng xử lý, giúp hiệu trưởng lưu trữ công văn đi, đến.

- Quét dọn vệ sinh khu hành chính văn phòng và chuẩn bị nước uống hàng ngày, tiếp đón khách đúng quy định.

- Thực hiện nhiệm vụ phân công khác của hiệu trưởng, giữ gìn nghiêm mật các loại giấy tờ, văn bản nhà trường. Sử dụng đóng dấu đúng qui định, đúng mục đích, không để giáo viên, nhân viên đóng dấu tùy tiện.

#### **7.5. Nhân viên bảo vệ**

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**NGƯỜI LẬP**

**Lê Xuân Vỹ**

**Đỗ Thị Phương**

